

ĐÀO TẠO SINH VIÊN SƯ PHẠM TIẾNG ANH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

THS. HỒ THỊ VIỆT LUẬN*

Abstract: On the spirit of renovating orientations of general education of the 8th Plenum of the Party Central Committee (11th Tenure) of "Changing knowledge-equipped training into comprehensive development of competences and qualifications towards learners", the article clarifies the concepts of competences, competence-based teaching methods and the competences of an English teacher. Moreover, the article shares the training process for English students in competence-based orientation of an English teacher at Phu Yen University at present.

Keywords: student; training; teacher.

Theo tinh thần định hướng đổi mới giáo dục phổ thông của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "Chuyển mạnh quá trình từ chủ yếu chỉ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực (NL) và phẩm chất của người học" (1), Trường Đại học (ĐH) Phú Yên đã điều chỉnh và chuyển hướng trong công tác đào tạo và giảng dạy theo hướng *tiếp cận năng lực* (TCNL), tập trung phát triển các NL cần thiết cho sinh viên (SV). SV sư phạm ra trường có thể nhanh chóng hòa nhập thực tiễn giáo dục phổ thông, làm tốt việc dạy học cho học sinh (HS) phổ thông theo hướng TCNL, đáp ứng tốt yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp.

1. Một số khái niệm

1.1. Năng lực. Có nhiều khái niệm khác nhau biểu đạt hàm ý của NL. NL là sự kết hợp của tư duy, kĩ năng (KN), thái độ có sẵn hoặc ở dạng tiềm năng có thể học hỏi được của một cá nhân hoặc tổ chức để thực hiện thành công nhiệm vụ. Mức độ và chất lượng hoàn thành công việc sẽ phản ánh mức độ NL của cá nhân.

Các nhà tâm lí học cho rằng, NL là tổng hợp các đặc điểm, thuộc tính tâm lí của cá nhân phù hợp với yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định nhằm đảm bảo cho hoạt động đó đạt hiệu quả.

Như vậy, có thể hiểu, NL là sự tích hợp sâu sắc giữa kiến thức, KN, thái độ của một cá nhân để thực hiện một nhiệm vụ hay một công việc chuyên môn trong thực tiễn có hiệu quả.

1.2. Dạy học theo hướng TCNL. Dạy học theo hướng TCNL là tập trung vào "đầu ra" của quá trình dạy học, nhấn mạnh người học cần đạt được các mức NL như thế nào sau khi kết thúc khóa học; chú trọng ứng dụng các quan điểm, phương pháp, kĩ thuật dạy

học tích cực, các phương pháp học thí nghiệm, thực hành và trải nghiệm sáng tạo; ưu tiên cho SV cơ hội vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống; là hình thức chuyển đổi từ việc nhấn mạnh việc "SV biết gì" sang việc SV phải nắm rõ mình cần biết gì và có thể làm gì trong các tình huống và bối cảnh.

Như vậy, dạy học theo hướng TCNL là quá trình dạy học lấy người học và việc học làm trung tâm, giáo viên giữ vai trò cố vấn, hướng dẫn. Người học có nhiều cơ hội thể hiện khả năng cũng như điều chỉnh những hạn chế bản thân để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.

2. NL của giáo viên tiếng Anh (TA)

Theo Công văn số 792/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25/2/2014 của Bộ GD-ĐT (2) yêu cầu NL giáo viên TA phổ thông, gồm các lĩnh vực: - *Kiến thức về môn học và chương trình:* kiến thức về NL ngôn ngữ của giáo viên cũng như kiến thức về hệ thống ngôn ngữ, cách học ngôn ngữ, văn học, văn hóa các quốc gia nói TA, nội dung về học thuật bằng TA, về khung chương trình chuyên môn; - *Kiến thức về dạy học TA* chủ yếu liên quan đến các kiến thức chuyên môn về phương pháp giảng dạy TA, về nghiệp vụ sư phạm. Giáo viên tạo ra môi trường học tập hỗ trợ người học, thực hiện bài giảng hiệu quả, đánh giá sự tiến bộ và NL của HS; sử dụng các nguồn học liệu, công nghệ hỗ trợ quá trình giảng dạy; - *Kiến thức về HS* liên quan đến kiến thức về người học ngôn ngữ. Giáo viên nắm bắt quá trình phát triển của HS, các giai đoạn của việc học ngôn ngữ, các trải nghiệm học ngôn ngữ của HS sẽ góp phần giúp người học học tốt TA. Hiểu biết về HS là yếu tố cần thiết để giáo viên có thể phát huy khả

* Trường Đại học Phú Yên

năng sáng tạo và tư duy phản biện của HS; - *Giá trị và thái độ nghề nghiệp* chỉ ra các giá trị và thái độ đối với nghề nghiệp, với các lĩnh vực khác, gồm việc khuyến khích, hình thành động cơ học ngôn ngữ; hoạt động hợp tác, cộng tác và làm việc nhóm; học tập phát triển chuyên môn thông qua hoạt động bồi dưỡng NL thường xuyên, đọc sách báo, tham gia các hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng chuyên môn; - *Kết nối và rút kinh nghiệm về dạy học TA* thể hiện tầm quan trọng việc giáo viên hiểu rõ tình hình dạy học TA và thực tiễn ứng dụng TA tại Việt Nam. Kiến thức này chính là sự liên kết học TA với các môn học khác.

Các lĩnh vực trên gồm nhiều tiêu chí về kiến thức và KN cần đạt đối với giáo viên TA và đây là căn cứ để họ phấn đấu nâng cao NL nghề nghiệp. Vậy, mục tiêu đào tạo của các trường đại học có đào tạo các ngành sư phạm TA là *trang bị cho SV sư phạm NL nghề nghiệp*. Đây là NL cốt lõi, đòi hỏi nhà trường và đội ngũ giảng viên (GV) phải nỗ lực đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo giáo viên và có chiến lược thực hiện sự đổi mới đó một cách phù hợp với thực tiễn.

3. Quy trình đào tạo SV sư phạm TA theo hướng TCNL tại Trường ĐH Phú Yên

3.1. Xây dựng nội dung, chương trình theo hướng TCNL. Thực hiện chỉ đạo của nhà trường, Khoa Ngoại ngữ đã xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành sư phạm TA, trình độ đại học theo Công văn số 792/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25/2/2014. Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ với 135 tín chỉ (chưa kể các tín chỉ về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), trong đó 40 tín chỉ dành cho khối kiến thức Giáo dục đại cương, 95 tín chỉ dành cho khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Chương trình được thiết kế với 5 lĩnh vực kiến thức theo yêu cầu về NL của giáo viên TA được nêu trên, gồm các học phần được lựa chọn theo hướng tích hợp hoặc phân hóa cao một cách phù hợp về nội dung và phương pháp giảng dạy, đào sâu các NL cần thiết cho nghề nghiệp tương lai. Ngoài các học phần chuyên môn sâu về phương pháp giảng dạy TA, chương trình tăng thêm các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, bắt đầu từ học kì 2. Nội dung và mục tiêu mỗi học phần được đội ngũ GV mô tả cụ thể qua đề cương chi tiết. Với 20 tín chỉ cho số học phần tự chọn, người học chủ động trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp, lộ trình học tập. Vì vậy, đây là một quy trình học tập mang tính cá thể hóa cao, hoàn toàn khác hẳn những chương trình đào tạo truyền thống có xu hướng giảng dạy đại trà.

3.2. Phương pháp dạy học theo hướng TCNL. Đội ngũ GV Khoa Ngoại ngữ đã và đang vận dụng phương pháp dạy học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành. SV đóng vai trò trung tâm trong các giờ học, chủ động tham gia các hoạt động thuyết trình, thảo luận nhóm, cặp, đóng vai... SV sư phạm TA có nhiều cơ hội học cách dạy, tiếp cận với nghề nghiệp tương lai thông qua các học phần *Phương pháp giảng dạy TA*. Bên cạnh việc cung cấp kiến thức về môn học, GV rất chú trọng việc hình thành các KN giảng dạy. GV lập kế hoạch dạy mẫu, minh họa các kĩ thuật dạy học, một số SV đóng vai HS, số khác quan sát, ghi chú, nhận diện các chỉ dẫn, kĩ thuật giảng dạy, quy trình tổ chức giờ dạy. Khi SV đã có tri thức vững chắc, quen thuộc với việc dạy mẫu hay dự giờ, GV đặt ra yêu cầu cao hơn, chuyển dần trọng tâm hoạt động từ GV sang SV. SV đóng vai GV, thiết kế bài giảng, giảng mẫu, những SV khác đóng vai HS và dự giờ. SV tập giảng trong những điều kiện giả định: môi trường học tập hiện đại, được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất; hoặc môi trường học tập còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Sau đó, GV hướng dẫn SV thảo luận, tự rút kinh nghiệm để nhóm SV khác sẽ thực hành giảng dạy tốt hơn. Ngoài việc tập giảng ở trường đại học, SV ngành sư phạm TA còn có cơ hội thực tập giảng dạy TA (10 tuần) tại các trường phổ thông. Đây là giai đoạn kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, cũng là một giai đoạn để SV trải nghiệm sáng tạo, sẽ giúp SV có được sự phát triển toàn diện, xác định thái độ, tinh yêu nghề, hình thành NL nghề nghiệp sẵn sàng thích ứng với mọi môi trường giảng dạy khi vào đời lập nghiệp.

3.3. Kiểm tra, đánh giá theo hướng TCNL. Với định hướng đào tạo TCNL, GV TA, Khoa Ngoại ngữ đánh giá kết quả học tập của SV cho mỗi học phần theo tỉ trọng 40% cho điểm quá trình, 60% cho điểm thi kết thúc học phần. Điểm quá trình được GV linh hoạt đánh giá thông qua: các hoạt động trên lớp (số buổi có mặt trên lớp, thái độ học tập trên lớp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành giảng dạy); tự học ở nhà (đảm bảo thời gian, chất lượng hoàn thành bài tập ở nhà); làm việc nhóm (tinh thần hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ nhau); kiểm tra giữa kì (một bài kiểm tra trên giấy hoặc hình thức vấn đáp, hoặc một bài tiểu luận của cá nhân hoặc soạn giảng, thực hành giảng theo nhóm). Mỗi GV có thể quy định thêm những trường hợp cộng điểm khuyến khích đối với SV tích cực tham gia xây dựng bài, hoạt động trên lớp. Hình thức thi kết thúc học phần là một bài thi tự luận, trắc nghiệm trên giấy hoặc vấn

đáp hoặc thực hành giảng, hoặc kết hợp các hình thức trên.

Vậy, với phương thức đánh giá TCNL, việc đánh giá kết quả học tập của SV phải là một tập hợp đa dạng các hình thức đánh giá; không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm, mà chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau.

3.4. Khai thác cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng TCNL. SV TA được học tập trong môi trường có đầy đủ phương tiện dạy học cần thiết, gồm: hệ thống nghe nhìn, bảng tương tác, máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh nổi, kết nối Internet... GV luôn nỗ lực học hỏi, bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin để khai thác tối ưu mọi phương tiện dạy học sẵn có nhằm phục vụ quá trình dạy học, kiểm tra và đánh giá. SV được khuyến khích và có nhiều cơ hội vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin để tìm kiếm thông tin, chuẩn bị tư liệu học tập. SV vận dụng phần mềm PowerPoint để thiết kế bài thuyết trình, bài giảng điện tử. GV và SV sử dụng các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo, Wikispaces để trao đổi, chia sẻ, phân công nhiệm vụ học tập theo nhóm. Thông qua các trang mạng này, GV nắm bắt được tinh thần, thái độ cũng như tiến độ học tập hợp tác các thành viên nhóm; qua nhóm đó kịp thời phản hồi, giúp đỡ SV hoàn thành tốt các bài tập tự học.

Đào tạo SV sư phạm theo hướng TCNL, đặc biệt là NL dạy học của người GV tương lai, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông sau năm 2015 là mục tiêu hướng đến của các trường đại học có đào tạo GV hiện nay. Đào tạo theo hướng TCNL là định hướng đúng đắn, là nhân tố quyết định uy tín và chất lượng đào tạo của một trường đại học trong thời kỳ hội nhập quốc tế nói chung, đào tạo GV TA nói riêng có đầy đủ phẩm chất và NL cần thiết, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông là một sứ mệnh của Trường ĐH Phú Yên ngày nay. □

(1) Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.*

(2) Bộ GD-ĐT. *Công văn số 792/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25/02/2014 của Bộ GD-ĐT về việc Hướng dẫn thực hiện yêu cầu cơ bản về năng lực giáo viên tiếng Anh phổ thông.*

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Huy Vị - Tôn Nữ Phương Thảo. "Đổi mới dạy và học ngoại ngữ tại các trường đại học địa phương nhằm thúc đẩy và hỗ trợ người học đạt chuẩn khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam". Tạp chí *Dạy và học* ngày nay, số 9/2015.

Đổi mới phương pháp dạy học...

(Tiếp theo trang 63)

hướng tới phát triển cả những NL chung, NL chuyên biệt của các môn học khác thông qua sử dụng hợp lý các PPDH và KT, ĐG ngoại ngữ. Đổi mới PPDH và KT, ĐG ngoại ngữ theo ĐHPTNL HS, SV trong giáo dục nghề nghiệp chỉ đạt được kết quả cao khi các chủ thể tham gia vào các quá trình này có sự đổi mới, tự hoàn thiện bản thân và chủ động, tích cực áp dụng phù hợp vào thực tiễn ở mỗi môn ngoại ngữ cụ thể. □

(1) Bộ GD-ĐT. *Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh: Môn tiếng Anh cấp trung học phổ thông.* Tài liệu tập huấn năm 2014.

Tài liệu tham khảo

1. Bachman, L.F. and Palmer, A.S. *Language testing in practice: Designing and Developing Useful Language Tests.* Oxford University Press, 1996.

2. David Nuan. *Task-based language teaching.* Cambridge University Press, 2004.

3. Hutchinson, T. and Water. *English for Specific Purposes: A learning-center approach.* Cambridge University Press, 1987.

4. O'Malley, J.M., Lorraine Valdez Pierce. *Authentic Assessment for English language learners: Practical Approaches for teachers.* Longman: Addison-Wesley Publishing, 1996.

5. Jack C. Richards and Theodore S. Rodger. *Approaches and methods in language teaching - Third edition.* Cambridge University Press, 2014.

6. Penny Ur. *A course in English language teaching - A completely revised and updated edition.* Cambridge University Press, 2012.

7. Hoàng Văn Thái. "Dạy học ngoại ngữ chuyên ngành du lịch". Tạp chí *Du lịch Việt Nam*, số tháng 6/2015.

8. Trung tâm nghiên cứu Tâm lý học và Giáo dục học - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. *Giáo dục theo hướng tiếp cận phát triển năng lực người học.* Kì yếu hội thảo, tháng 11/2014.